

Số: 0546/2012/BM-BKS

TP.HCM. ngày 12 tháng 4 năm 2012

BÁO CÁO

Đánh giá của Ban kiểm soát đối với hoạt động Bảo Minh năm 2011

Kính gửi:

- Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh
- Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo Minh

Căn cứ Luật doanh nghiệp; Luật chứng khoán; Luật kinh doanh bảo hiểm và các văn bản qui định Pháp luật hiện hành có liên quan; Căn cứ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh ("**Bảo Minh**"); Căn cứ các quy định của quy trình, quy chế của Bảo Minh; Thực hiện trách nhiệm giám sát đối với công tác quản trị và điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Minh năm 2011. Ban kiểm soát xin trình Báo cáo Đại hội cổ đông thường niên nội dung đánh giá kết quả hoạt động và thẩm tra báo cáo tài chính Bảo Minh năm 2011 theo những nội dung cụ thể như sau:

PHẦN I: HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

1. Nhiệm vụ thực hiện của Ban kiểm soát (BKS):

1.1 BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên triển khai công tác trong năm và tổ chức các cuộc họp định kỳ đúng quy định. Tại các cuộc họp này, BKS có mời đại diện HĐQT, TGD, KTT tham dự.

1.2 Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập: BKS đã trình đại hội cổ đông thường niên thông qua danh sách một số công ty kiểm toán và ủy quyền HĐQT tổ chức lựa chọn công ty kiểm toán. Ban kiểm soát cũng đã cử thành viên tham gia vào hội đồng chấm điểm chọn đơn vị kiểm toán. Kết quả: Đơn vị kiểm toán được chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2011 của Bảo Minh là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam ("**Deloitte**").

1.3 Ban kiểm soát bố trí các đợt công tác đến làm việc và nắm tình hình tại một số đơn vị thành viên. Cụ thể: Đầu tháng 8/2011 BKS đã có đợt làm việc với 2 đơn vị thành viên là Bảo Minh Bình Dương, Bảo Minh Bến Thành; và trong tháng 01/2012 BKS làm việc với Bảo Minh Thăng Long, Bảo Minh Đông Đô, Trung Bồi thường Hà Nội, Bảo Minh Hà Nam.

1.4 Trưởng Ban kiểm soát bố trí thời gian tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ trong năm của HĐQT.

1.5 BKS đã thực hiện đánh giá, thẩm tra báo cáo tài chính bán niên và toàn năm trên cơ sở báo cáo của đơn vị kiểm toán Deloitte. BKS cũng đã làm việc trực tiếp với các Ban tại trụ sở chính: Ban tái bảo hiểm, Ban bồi thường, Ban đầu tư, Văn phòng để thẩm tra lại số liệu làm cơ sở đánh giá đầy đủ hơn về kết quả thực hiện kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm.

1.6 Thực hiện đề nghị của HĐQT thực hiện đánh giá về chương trình bảo hiểm tín dụng tiêu dùng (gọi tắt Bảo hiểm PPF).

2. Kết quả thực hiện:

2.1 BKS đã thống nhất với đề xuất của HĐQT chọn Deloitte làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2011 và đã thống nhất các nội dung, phạm vi, tiến độ kiểm toán BCTC 2011 theo quy định.

2.2 Thống nhất thông qua báo cáo tài chính các kỳ đã được kiểm toán.

2.3 BKS đã hoạt động và thực hiện đúng vai trò được đại hội cổ đông giao. Sau các đợt kiểm tra rà soát đánh giá BKS đều có báo cáo gửi HĐQT.

2.4 Hoàn tất quá trình đánh giá số liệu, nội dung hợp đồng tư vấn và gửi báo cáo riêng đến HĐQT về Chương trình bảo hiểm tín dụng tiêu dùng (Gọi tắt là Bảo hiểm PPF).

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011

Kết quả kinh doanh của Bảo Minh gồm hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh (“Công ty mẹ”), công ty con và công ty liên doanh. Công ty mẹ cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Minh là (“Công ty con”) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21/4/2008 do UBCK nhà nước cấp. Công ty con có vốn 300 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ sở hữu 70.02% vốn điều lệ. Lĩnh vực kinh doanh Công ty con là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành và tư vấn chứng khoán.

Công ty Bảo hiểm liên hiệp (“Công ty liên doanh”) là liên doanh giữa Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh, Công ty BH Sompo Japan và Cty TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1/11/1997 do Bộ kế hoạch đầu tư cấp. Vốn điều lệ hiện tại 300 tỷ, trong đó Bảo Minh tham gia góp vốn vào liên doanh 157 tỷ, chiếm 48.45%.

1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh Công ty mẹ:

Năm 2011, kinh tế Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn: tỷ giá thường xuyên biến động, lạm phát tăng nhanh (bình quân ở mức 18.6%), lãi suất cho vay ở mức rất cao (20-22%), thị trường bất động sản tiếp tục đóng băng... đã tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trong bối cảnh khó khăn chung, Chính phủ đã đưa ra nhiều giải pháp phù hợp bước đầu đã ổn định được kinh tế vĩ mô và duy trì được mức tăng trưởng GDP 5.86%.

Mặc dù có nhiều khó khăn tác động, nhưng tình hình thị trường bảo hiểm phi nhân thọ vẫn tiếp tục tăng trưởng và đạt doanh thu 20.497 tỉ đồng, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam đạt doanh thu **18.484 tỉ đồng tăng trưởng 17.56%**, các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn nước ngoài đạt doanh thu 2.013 tỉ đồng tăng trưởng 55.23%. Các nghiệp vụ đều tăng trưởng trong đó bảo hiểm nông nghiệp tăng 193%, bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính tăng 87%, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển tăng 43%, bảo hiểm thiệt hại kinh doanh tăng 37%, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người tăng 34%.

Đối với Bảo Minh, năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện mục tiêu chiến lược kinh doanh giai đoạn 2011-2015 “*phát triển Bảo Minh là một doanh nghiệp hàng đầu trên thị trường bảo hiểm Việt Nam, phát triển toàn diện, hiệu quả và bền vững trong*

lĩnh vực tài chính” với các chỉ tiêu: “tốc độ tăng trưởng bình quân của doanh thu phí bảo hiểm 14%-15%/năm; doanh thu hoạt động tài chính tăng trưởng bình quân từ 12%-15%/năm; Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế bình quân tăng trưởng khoảng 17%-19%/ năm (Nghị quyết số 01/2011-BM-ĐHCĐ ngày 28/4/2011 Đại hội cổ đông Bảo Minh)”.

Căn cứ mục tiêu chiến lược nêu trên, ngay từ đầu năm, HĐQT và BDH đã xác định được những mặt tồn tại và đã tập trung chỉ đạo toàn hệ thống bám sát kế hoạch được giao, thực hiện nhiều giải pháp cụ thể như: củng cố hệ thống tổ chức, mạng lưới bán hàng; Mở rộng quyền cho các đơn vị kinh doanh có hiệu quả, kiểm soát chặt các đơn vị yếu kém; Phân cấp bồi thường theo hướng tăng quyền chủ động cho các đơn vị có tỷ lệ bồi thường thấp; hoàn thiện phần mềm quản lý nghiệp vụ Asia Policy; điều chỉnh chính sách lương và chi phí; kiểm soát công tác giám định, bồi thường; rà soát đối chiếu công nợ; thành lập nhóm nghiên cứu triển khai một số nghiệp vụ và sản phẩm bảo hiểm mới như: Bảo hiểm tín dụng, Bảo hiểm nông nghiệp... Với sự cố gắng này, Bảo Minh đã hoàn thành cơ bản chỉ tiêu kế hoạch tổng doanh thu và duy trì mức tăng trưởng doanh thu khá so với năm 2010 (tăng 9.58%). Tuy nhiên, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đạt thấp và không hoàn thành chỉ tiêu theo nghị quyết ĐHCĐ giao. Kết quả kinh doanh của công ty mẹ cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu : **2.651.17** tỷ đồng (đạt **99.63%** kế hoạch ĐHCĐ giao)

Trong đó:

- Doanh thu bảo hiểm gốc: 2.128.73 tỷ (đạt 98.7% kế hoạch ĐHCĐ giao, tăng 9.58% so với năm 2010)
- Doanh thu nhận tái : 220.57 tỷ (đạt 116.09% kế hoạch ĐHCĐ giao, tăng 29.03% so với năm 2010)
- Doanh thu hoạt động tài chính : 301.86 tỷ (đạt 95.53% kế hoạch ĐHCĐ giao, tăng 9.19% so với năm 2010)
- Lợi nhuận từ HĐKDDBH: 3.3 tỷ
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính : 125.84 tỷ
- Lợi nhuận sau thuế : **109.78** tỷ (đạt **54.89%** kế hoạch ĐHCĐ giao, bằng 60.53% so với năm 2010)

Chỉ tiêu	Nghị quyết ĐHCĐ giao năm 2011	2011	2010	% Thực hiện so với KH ĐHCĐ	% TH Năm nay/năm trước
Tổng doanh thu	2.661.000.000.000	2.651.175.003.956	2.390.115.187.287	99,63%	110,92%
Doanh thu bảo hiểm gốc	2.155.000.000.000	2.128.732.537.294	1.942.706.330.487	98,78%	109,58%
Doanh thu nhận tái	190.000.000.000	220.572.650.665	170.940.692.494	116,09%	129,03%
Doanh thu hoạt động tài chính	316.000.000.000	301.869.815.997	276.468.164.306	95,53%	109,19%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh BH	>0 có lãi	3.304.508.991	16.749.277.980		19,73%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính		125.845.605.916	176.706.444.071		71,22%
Lợi nhuận trước thuế	225.000.000.000	130.142.232.404	194.412.276.411	57,84%	66,94%
Lợi nhuận sau thuế	200.000.000.000	109.780.160.088	181.369.312.179	54,89%	60,53%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.454.04	2.402.24		60,53%

2. Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh Công ty mẹ:

2.1 Nguyên nhân khách quan :

- Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng của sự suy thoái kinh tế của nửa đầu 2010 kéo dài sang 2011. Chính vì sự suy giảm này. Chính phủ đưa ra nhiều giải pháp trong đó thực hiện kiềm chế lạm phát thông qua việc cắt giảm đầu tư công, hạn chế triển khai nhiều dự án thuộc vốn ngân sách nên việc bảo hiểm cho dự án cũng đã giảm đáng kể;
- Lạm phát duy trì ở mức cao (18.6%) ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống an sinh xã hội mà đặc biệt là tác động trực tiếp vào chi phí kinh doanh doanh nghiệp nói chung và Bảo Minh nói riêng.
- Thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán liên tục giảm sâu gây ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động đầu tư tài chính.
- Tình hình cháy nổ xảy ra nhiều với quy mô và mức độ thiệt hại khá nghiêm trọng.
- Mức độ cạnh tranh khá khốc liệt giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước và các doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.
- Tình hình tai nạn giao thông xảy ra với tần suất cao và mức độ tổn thất cũng khá lớn.
- Trong năm Bảo Minh phải tiếp tục xử lý một số hệ lụy tài chính các năm trước chuyển sang như: phải trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán (18.7 tỷ), trích dự phòng các khoản tiền gửi tại ALC2 (88.1 tỷ), trích dự phòng nợ khó đòi (10.7 tỷ) . bù lương chi vượt trong các năm 2008, 2009 (17.1 tỷ) .

2.2 Nguyên nhân chủ quan:

- Một số giải pháp và chính sách của công ty thay đổi nhanh nhưng thiếu sự nhất quán trong hệ thống nên sự thay đổi này chưa đạt được kết quả đề ra.
- Công tác quản lý thiếu đồng bộ và linh hoạt. Tính tuân thủ kỷ luật trong hệ thống thấp. Thiếu sự phối hợp nhịp nhàng và linh hoạt giữa trụ sở chính và các đơn vị thành viên.
- Doanh thu bảo hiểm xe cơ giới tại thị trường TP.HCM và Hà Nội sụt giảm liên quan đến việc thay đổi phương thức bán hàng và chất lượng giám định bồi thường chưa đáp ứng được yêu cầu của khách hàng.
- Việc kiểm soát tỷ lệ bồi thường không đạt mục tiêu đã đặt ra: Tổng số tiền bồi thường 2011 là 1.704 tỷ bằng 72.5% doanh thu, trong đó tỷ lệ bồi thường thuộc trách nhiệm của Bảo Minh là 53% tăng so với năm trước (năm trước 51.2%).
- Năng suất lao động bình quân thấp (doanh thu bình quân 1.18 tỷ đồng/người năm).
- Chi phí bán hàng tăng cao: Tổng chi phí bán hàng năm 2011 là 355 tỷ bằng 124.9% kế hoạch và bằng 147% cùng kỳ. Nguyên nhân số chi hoa hồng gốc tăng cao so với cùng kỳ do: Thay đổi cơ cấu nghiệp vụ (nghiệp vụ hoa hồng cao tăng (con người), hoa hồng thấp giảm (Tài sản, Hàng hải). Số tiền chi hoa hồng nhận TBH tăng lên do thị trường (tỷ lệ năm 2011 là 25.6%/doanh thu nhân TBH, năm 2010 tỷ lệ là 23.9%) làm hoa hồng tăng so với kế hoạch. Chi phí bán hàng nghiệp vụ PPF tăng 46 tỷ.

- Chưa có nhiều sản phẩm mới, sản phẩm phù hợp với các kênh phân phối, tổ chức triển khai sản phẩm ra thị trường kết quả chưa cao.

3. Tình hình tài chính công ty năm 2011:

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán bởi công ty kiểm toán Deloitte. Qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán số liệu thể hiện như sau:

3.1 Các chỉ tiêu chủ yếu về tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty mẹ:

<i>Đơn vị: Đồng</i>			
CHI TIÊU	31/12/2011	31/12/2010	% NS/NT
I- Tổng tài sản	3.863.363.914.168	3.640.599.660.168	106.12%
Trong đó:			
1. Tài sản ngắn hạn	2.295.538.371.564	2.085.950.482.757	110.05%
1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	258.530.906.001	161.169.416.926	160.41%
1.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn	961.957.623.838	1.022.132.787.970	94.11%
1.3 Các khoản phải thu	1.062.269.028.038	889.099.613.498	119.48%
1.4 Hàng tồn kho	3.514.137.420	4.155.845.788	84.56%
1.5 Tài sản ngắn hạn khác	9.266.676.267	9.392.818.575	98.66%
2. Tài sản dài hạn	1.567.825.542.604	1.554.649.177.411	100.85%
2.1 Khoản phải thu dài hạn	31.189.032.887	23.352.270.045	133.56%
2.1 Tài sản cố định	454.357.013.718	430.011.591.119	105.66%
2.2 Bất động sản đầu tư	7.655.042.500	7.655.042.500	100.00%
2.3 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	950.624.362.303	1.039.337.505.205	91.46%
2.4 Tài sản dài hạn khác	124.000.091.196	54.292.768.542	228.39%
II- Tổng nguồn vốn	3.863.363.914.168	3.640.599.660.168	106,12%
1. Nợ phải trả	1.691.957.052.130	1.442.702.598.584	117,28%
1.1 Nợ ngắn hạn	722.496.197.650	463.858.439.695	155,76%
1.3 Nợ dài hạn	253.058.510	157.168.730	161,01%
1.4 Dự phòng nghiệp vụ	969.207.795.970	978.686.990.159	99,03%
2. Vốn chủ sở hữu	2.171.406.862.038	2.197.897.061.584	98,79%
2.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	755.000.000.000	755.000.000.000	100,00%
2.2 Thặng dư vốn cổ phần	1.133.484.074.449	1.133.484.074.449	100,00%
3.2 Các quỹ của doanh nghiệp	56.188.833.762	48.437.912.916	116,00%
3.2.1 Quỹ dự trữ bắt buộc	43.244.907.730	39.369.447.307	109,84%
3.2.2 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	12.943.926.032	9.068.465.609	142,74%
3.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	226.733.953.827	260.975.074.219	86,88%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ:

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu được tính toán theo số liệu đã kiểm toán như sau:

CHỈ TIÊU	2011	2010
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	59,42%	57,30%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	40,58%	42,70%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	43,79%	39,63%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	56,21%	60,37%
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	3,18	4,50
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	3,17	4,49
Tỷ suất lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	4,72%	6,71%
Tỷ suất lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	6,36%	11,77%
Tỷ suất lợi nhuận TT/Tổng tài sản	2,11%	2,84%
Tỷ suất lợi nhuận ST /Tổng tài sản	2,84%	4,98%
Tỷ suất lợi nhuận ST/Nguồn vốn chủ sở hữu	5,06%	8,25%

3.2 Tình hình tài sản và nguồn vốn trên BCTC hợp nhất :

3.2.1 Kết quả kinh doanh hợp nhất

Chỉ tiêu	2011	2010	Đơn vị: Đồng
			% TH Năm nay/năm trước
Tổng doanh thu	2.682.712.328.623	2.359.946.414.062	113,68%
Doanh thu bảo hiểm gốc	2.128.732.537.294	1.942.706.330.487	109,58%
Doanh thu nhận tái	220.572.650.665	170.940.692.494	129,03%
Doanh thu hoạt động tài chính	333.407.140.664	246.299.391.081	135,37%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh BH	3.304.508.991	16.749.277.980	19,73%
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	139.215.898.887	128.104.004.765	108,67%
Lợi nhuận trước thuế	176.629.525.521	163.596.459.679	107,97%
Lợi nhuận sau thuế	148.142.490.652	144.854.907.179	102,27%
<i>Phân phối cho lợi ích CĐ thiểu số</i>	<i>7.332.307.038</i>	<i>5.125.883.569</i>	<i>143,04%</i>
<i>Phân phối cho lợi ích CĐ Tổng Cty</i>	<i>140.810.183.614</i>	<i>139.729.023.610</i>	<i>100,77%</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.803	1.731	104,16%

3,2,2 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị: Đồng

CHI TIÊU	31/12/2011	31/12/2010	% Năm nay so với năm trước
I- Tổng tài sản	4.071.676.040.142	3.817.356.550.700	106,66%
Trong đó:			
1. Tài sản ngắn hạn	2.513.740.908.848	2.244.251.709.541	112,01%
1.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	438.831.019.213	299.668.805.582	146,44%
1.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn	966.902.072.671	1.022.519.683.270	94,56%
1.3 Các khoản phải thu	1.095.102.779.757	908.385.228.659	120,55%
1.4 Hàng tồn kho	3.514.137.420	4.155.845.788	84,56%
1.5 Tài sản ngắn hạn khác	9.390.899.787	9.522.146.242	98,62%
2. Tài sản dài hạn	1.557.935.131.294	1.573.104.841.159	99,04%
2.1 Khoản phải thu dài hạn	31.189.032.887	23.352.270.045	133,56%
2.1 Tài sản cố định	461.145.729.286	435.153.623.817	105,97%
2.2 Bất động sản đầu tư	7.655.042.500	7.655.042.500	100,00%
2.3 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	933.236.255.132	1.051.926.331.906	88,72%
2.4 Tài sản dài hạn khác	124.709.071.489	55.017.572.891	226,67%
II- Tổng nguồn vốn	4.071.676.040.142	3.816.002.110.223	106,70%
1. Nợ phải trả	1.701.376.760.825	1.452.352.426.195	117,15%
1.1 Nợ ngắn hạn	731.843.925.326	473.466.346.282	154,57%
1.3 Nợ dài hạn	325.039.529	199.089.754	163,26%
1.4 Dự phòng nghiệp vụ	969.207.795.970	978.686.990.159	99,03%
2. Vốn chủ sở hữu	2.270.680.057.767	2.266.786.945.832	100,17%
2.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	755.000.000.000	755.000.000.000	100,00%
2.2 Thặng dư vốn cổ phần	1.133.484.074.449	1.133.484.074.449	100,00%
3.2 Các quỹ của doanh nghiệp	65.905.192.004	54.094.211.302	121,83%
3.2.1 Quỹ dự phòng tài chính	1.953.070.906	1.354.440.477	
3.2.1 Quỹ dự trữ bắt buộc	48.913.068.945	43.381.188.412	112,75%
3.2.2 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	15.039.052.153	10.713.022.890	140,38%
3.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	316.290.791.314	324.208.660.081	97,56%
3. Lợi ích cổ đông thiểu số	99.619.221.550	96.862.738.196	102,85%

3.3 Về việc thực hiện chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính gồm có: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đến ngày 31/12/2011.

BCTC đã được lập dựa trên các cơ sở chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm độc lập.

3.4 Số liệu và kết quả hoạt động kinh doanh:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh rõ nét tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Bảo Minh trong năm 2011 kết thúc vào ngày 31/12/2011. Tình hình tài chính không có biến động bất thường. Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.

Ban kiểm soát nhất trí thông qua báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán lập ngày 29/3/2012.

3.5 Ý kiến nhận xét một số khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ:

Để công tác quản lý tài chính ngày càng hiệu quả và ổn định, đề nghị HĐQT cần quan tâm hơn và đưa ra giải pháp kiểm soát chặt trong năm 2012 đối với một số khoản mục trong báo cáo tài chính như sau:

3.5.1 Khoản phải thu khách hàng:

Bảo Minh đã tích cực trong việc xem xét đối chiếu thu hồi công nợ khách hàng và trích lập dự phòng. Bước đầu đã đạt một số kết quả, tuy nhiên việc truy đòi và xử lý nợ vẫn chưa đạt được kết quả triệt để.

Tổng số phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2011 là **750 tỷ** (phải thu bảo hiểm gốc và thu nhận nhượng tái) **tăng 46.67% so với năm 2010**, trong đó phải thu nhận, nhượng tái tái bảo hiểm: 329.4 tỷ đồng. Thu nhận nhượng tái sẽ được đối trừ theo kỳ nên số phải thu nhận nhượng tái nằm trong tầm kiểm soát. Số công nợ đáng quan tâm là số phải thu bảo hiểm gốc là 431.40 tỷ đồng chiếm 40.61% tổng các khoản phải thu ngắn hạn và chiếm 20.27% trong tổng doanh thu phí bảo hiểm. Theo báo cáo của Ban tài chính kế toán cho biết số chưa đến kỳ thu là 34.1 tỷ còn lại **số phải thu 397.2 tỷ đồng**.

Trong năm 2011 công ty đã trích lập bổ sung thêm 10.3 tỷ đồng nâng số trích lập dự phòng nợ khó đòi trong năm là 37.6 tỷ (chắc chắn chưa xem xét trích lập cho nghiệp vụ tàu nêu trên), tuy nhiên việc xử lý khoản nợ khó đòi chưa được tiến hành giải quyết theo quy định.

3.5.2 Khoản phải thu khác: Số tiền 210.349.800.000 đồng tương đương (10.236.000 đô la Mỹ) thể hiện số thặng dư từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Bảo Minh – CMG năm 2007 đã tạm chuyển về Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) để chờ ý kiến xử lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính đã có công văn số 6845 ngày 26/5/2011 Quyết định về việc thu hồi số tiền này về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp trung ương. Do đến ngày 28/3/2012 Bộ Tài chính có công văn số 4065/BTC-QLBH hướng dẫn xử lý khoản tiền thuế TNDN và liên quan đến khoản phải thu này nên tại tạm thời trên báo cáo tài chính 2011 vẫn theo dõi số tiền này.

3.5.3 Quỹ dự phòng nghiệp vụ: gồm các quỹ Dự phòng phí, dự phòng bồi thường và dự phòng dao động lớn. Số dư các quỹ đến ngày 31/12/2011 là 969.2 tỷ tương đương 99.03% (giảm 9.48 tỷ đồng) so với năm 2010. Cụ thể:

3.5.3.1 Quỹ dự phòng phí: Quỹ này tính đến 31/12/2011 được trích lập tăng thêm 32.038.987.299 đồng.

3.5.3.2 Quỹ dự phòng bồi thường: tính đến 31/12/2011 là 126 tỷ (giảm 41.874.930.398 đồng). Việc trích lập dự phòng bồi thường nhiều hay ít đều có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh cuối cùng. Vấn đề này đã được lãnh đạo quan tâm và ban hành văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện việc trích lập dự phòng hiện tại vẫn chưa được chuẩn hóa và kiểm tra đối chiếu chặt chẽ giữa các Ban tại trụ sở chính hoặc giữa các Ban với đơn vị thành viên nên việc thống kê và số liệu phản ánh chưa có độ chính xác cao.

3.5.3.3 Quỹ dự phòng dao động lớn: Tổng dự phòng dao động lớn đã trích trong năm: **49.356.748.910 đồng**. Số sử dụng trong năm: **49.000.000.000 đồng**. Như vậy thực tế trong năm Bảo Minh chỉ trích được **356.7 triệu** đồng cho Quỹ dự phòng dao động lớn. Việc sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn chủ yếu được sử dụng cho các nghiệp vụ: *Bảo tàu biển. Bảo hiểm cháy nổ. Bảo hiểm kỹ thuật. Bảo hiểm thân thiết bị máy bay. Bảo hiểm thân xe ô tô. Bảo hiểm tai nạn chăm sóc sức khỏe.*

Số trích lập là 3% tổng phí giữ lại năm 2011 được Bảo Minh đăng ký thực hiện theo quy định của Bộ tài chính, tuy nhiên việc sử dụng như thế nào, số sử dụng bao nhiêu còn chưa có quy định cụ thể. BKS đã kiến nghị nhiều trong các báo cáo trước đây và đề nghị HĐQT ban hành Quy chế trích lập & sử dụng các quỹ để đảm bảo tính thống nhất về trách nhiệm và thẩm quyền quyết định trích và sử dụng phù hợp. Tuy nhiên, cho đến nay HĐQT, BĐH chưa ban hành nội dung quy chế này để áp dụng trong hệ thống.

3.5.4 Chi phí tư vấn chương trình bảo hiểm PPF:

BKS đã ý kiến đánh giá, kiến nghị gửi HĐQT Bảo Minh về chương trình bảo hiểm PPF tại CV số 02010/2011-BM/BKS ngày 02/12/2011.

Kết thúc niên độ tài chính 2011, số liệu cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu	:	171.183.634.000 đồng
- Phí nhượng tái	:	47.308.909.984 đồng
- Phí giữ lại	:	123.874.724.016 đồng
- Dự phòng phí	:	68.011.393.400 đồng
- Bồi thường	:	472.250.000 đồng

3.5.5 Chi phí bán hàng, chi phí tiếp khách: Đây là những khoản chi phí có mức biến động tăng cao trong năm 2011. Chi phí tiếp khách tăng 23%. Chi phí bán hàng tăng 47%. Mức tăng chi phí đều tăng hơn mức độ tăng trưởng doanh thu (9.8%). Vì vậy, Ban điều hành trong năm 2012 cần đưa ra giải pháp tiết kiệm CHI PHÍ để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.5.6 Trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính:

Bộ Tài chính đã ban hành thông tư **210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính**. Bảo Minh chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính trong năm 2011. Là doanh nghiệp niêm yết nên Bảo Minh cũng phải xem xét để áp dụng sớm nội dung văn bản nêu trên.

PHẦN III: GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG BỘ MÁY QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

- Công tác quản trị và điều hành nói chung được thực hiện theo đúng pháp luật của nhà nước, quy định đối với hoạt động công ty niêm yết, điều lệ hoạt động của Bảo Minh và nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Hoạt động quản trị và điều hành đảm bảo tính công khai và minh bạch tập trung vào mục tiêu hiệu quả.

1. Công tác quản trị:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể. Tất cả các cuộc họp đều được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết chỉ đạo thực hiện.
- HĐQT chỉ đạo tổ chức quy trình chào giá cạnh tranh và quyết định chọn Công ty TNHH DELOITTE VIET NAM (Deloitte) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Bảo Minh năm 2011.
- HĐQT thực hiện tổng kết đánh giá các mặt hoạt động trong năm trong năm 2011. Tổ chức đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban điều hành theo KPI đã được đề ra từ đầu năm.

2. Công tác điều hành:

- Ban điều hành triển chủ động triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống người lao động.
- Thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát các khoản chi phí chi phí, công nợ khách hàng.... quản lý công tác nghiệp vụ, công tác bồi thường nâng cao hiệu quả kinh doanh hướng đến mục tiêu của HĐQT đề ra là kinh doanh bảo hiểm phải có lãi.
- Tổ chức hội nghị tổng kết năm 2011 trong đó TGD đánh giá khá đầy đủ các mặt hoạt động theo nhóm nghiệp vụ, đến từng công ty thành viên xác định những kết quả đạt được và những mặt tồn tại cần khắc phục (Báo cáo TGD về tình hình kinh doanh 2011).
- Tăng cường việc hợp tác chặt chẽ với AXA trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm: Ban hành quy trình nghiệp vụ, Hướng dẫn khai thác bảo hiểm du lịch quốc tế, bảo hiểm liên kết qua ngân hàng (bancassurance).

PHẦN V : ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

Để nâng cao hiệu quả hoạt động trong năm 2012, Ban kiểm soát tiếp tục đề xuất và kiến nghị một số nội dung cụ thể như sau:

1. Đối với HĐQT:

- HĐQT cần xem xét sửa đổi ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT phù hợp với các nội dung điều lệ đã được sửa đổi ngày 24/11/2010, trong đó đặc biệt chú trọng lượng hóa các mức và nội dung phân cấp, phân quyền cho Tổng Giám đốc.
- HĐQT cần dành nhiều thời gian hơn tại các cuộc họp HĐQT cho việc nghiên cứu, thảo luận chuyên đề đã được đề cập trong chiến lược 5 năm 2011-2015 theo từng nội dung: *chiến lược phát triển sản phẩm và bán hàng; chính sách đầu tư; chính sách thoái vốn; chính sách nhân lực và đào tạo, chính sách đầu tư mới...*
- Sớm ban hành các quy chế quản trị công ty gồm: *Quy chế tài chính; quy chế đầu tư; Quy chế trích lập sử dụng các quỹ dự phòng nghiệp vụ; Quy chế quản lý rủi ro.*

- Do chất lượng của các tài liệu trình HĐQT chưa được chuẩn bị chu đáo nên thông thường các thành viên mất nhiều thời gian vào việc thảo luận sự vụ. Nhiều nội dung vấn đề HĐQT quyết định nhưng phụ thuộc Ban điều hành trình thì HĐQT mới thảo luận để ban hành được. Vì vậy, cần tăng cường nhân sự Văn phòng HĐQT và/ hoặc bộ máy giúp việc HĐQT thông qua việc hình thành một hoặc một số Ủy ban độc lập để đánh giá, kiểm tra và đề xuất ý kiến đối với nội dung và tài liệu do Ban điều hành soạn thảo, trước khi trình HĐQT thảo luận, phê duyệt.
- HĐQT cần xem xét để có định hướng phù hợp đối với việc hạch toán và trích lập dự phòng đối với khoản lãi quá hạn tiền gửi tại ALC2. Ngoài ra HĐQT cũng xem xét ra quyết định xử lý một số khoản phải thu khó đòi đã đủ điều kiện xóa nợ.

2 Đối với Ban điều hành:

- Trong báo cáo tổng kết năm 2011, Tổng Giám đốc đã chỉ ra những mặt mạnh và những mặt hạn chế trong quá trình hoạt động kinh doanh tại văn phòng Cty và các đơn vị thành viên. Những vấn đề nêu ra đều rất xác đáng (rất đúng và rất trúng). Tuy nhiên, **lộ trình và biện pháp thực hiện** cho từng nhóm vấn đề chưa cụ thể, quá trình triển khai thiếu quyết liệt và đồng bộ nên dẫn đến kết quả đạt được không cao. Chính vì vậy những vấn đề này, theo thời gian lặp đi lặp lại làm giảm hiệu lực quản lý. Vì vậy, đề nghị Ban điều hành **cần đưa ra lộ trình** thực hiện và giải pháp cụ thể để từng vấn đề và kiên quyết giải quyết dứt điểm.
- Tăng cường công tác thu đòi công nợ và xem xét xử lý khoản nợ tồn đọng kéo dài nhiều năm theo đúng quy định hiện hành.
- Xem xét lại cơ cấu tổ chức và đội ngũ kinh doanh khai thác: Tổng số CB-CNV của Bảo Minh tính đến ngày 31/12/2011 là 1794 người, trong đó phân theo từng nhóm cụ thể như sau:
 - Cán bộ khai thác và nghiệp vụ : 934 người chiếm tỷ lệ 52.06%
 - CB Lãnh đạo các đơn vị: 121 người chiếm tỷ lệ 6.74%
 - Kế toán + thủ quỹ + thống kê đơn vị: 258 người chiếm tỷ lệ 14.38%
 - Bồi thường + tổng hợp ở đơn vị : 227 người chiếm tỷ lệ 12.65%
 - VP Trụ sở chính + nhập liệu HN và TP.HCM + Trung tâm bồi thường 254 người chiếm tỷ lệ 14.16%

Nếu tổng hợp phân theo đội ngũ mang lại doanh thu và gián tiếp:

- Nhóm khai thác mang lại doanh thu: 1.182 người chiếm tỷ lệ 65.89% (bao gồm cả đội ngũ lãnh đạo)
- Nhóm gián tiếp: 612 người chiếm tỷ lệ 34.11%

Với tổng doanh thu bảo hiểm năm 2011 là 2.128.73 tỷ thì năng suất lao động đối với đội ngũ khai thác: 1.800.000.000 đồng/người/năm và năng suất lao động bình quân toàn Tổng công ty: 1.187.000.000 đồng/người/năm.

Qua số liệu phân tích nêu trên cho thấy cơ cấu tổ chức khá công kênh, năng suất lao động giảm và hiệu quả không cao. HĐQT và TGD cần nghiên cứu đề giảm đội ngũ gián tiếp tăng số lượng CB-CNV trong khai thác.

- Đề nghị có báo cáo tổng kết đánh giá và nghiệm thu chương trình quản lý nghiệp vụ Best. Trên cơ sở đó trình HĐQT quyết định một số vấn đề có liên quan đến chương trình đầu tư tin học đã phê duyệt.
- Đối với việc trích lập dự phòng bồi thường đề nghị Bảo Minh ban hành **quy định** cụ thể về **nguyên tắc, phương pháp tính toán và cách thức trích lập** thống nhất đối với từng nhóm nghiệp vụ đảm bảo thống nhất trong toàn hệ thống. Số liệu trích lập dự phòng bồi thường hàng tháng, hàng quý cần được thông báo đến từng đơn vị nắm bắt để đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị.
- Cần nâng cao chất lượng và đảm bảo đúng tiến độ về thời gian chuẩn bị tài liệu hồ sơ cho các kỳ họp HĐQT. BKS.

Trên đây là một số nội dung liên quan việc theo dõi đánh giá tình hình hoạt động Bảo Minh năm 2011. Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát để giám sát hoạt động Bảo Minh đầy đủ và hiệu quả hơn trong năm 2012.

Nơi nhận:

- Như trên
- SCIC (để biết)
- Các thành viên BKS (để biết)
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

LÊ VIỆT THÀNH